

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN DẦU TIẾNG  
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2018/DS-ST  
Ngày: 05-7-2018  
V/v tranh chấp bồi thường thiệt  
hại ngoài hợp đồng

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Minh Đồng

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Văn Bắc;
2. Bà Vương Thị Vui.

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Trần Văn Tùng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Quang Thịnh – Kiểm sát viên.

Ngày 05/7/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 481/2017/TLST- DS ngày 20/12/2017 về việc “tranh chấp yêu cầu bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2018/QĐXXST-DS ngày 02/4/2018 giữa các đương sự:

***1. Nguyên đơn:*** Ông Phan Văn B, sinh năm 1965; HKTT: Khu phố X, thị trấn D, huyện DT, tỉnh Bình Dương..

***Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:*** Ông Phạm Tiên Thiên TH – Luật sư Văn phòng luật sư Phạm Thiên T thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Bình Dương.

***2. Bị đơn:*** Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên (TNHH MTV) cao su A; địa chỉ: Khu phố 2, thị trấn D, huyện DT, tỉnh Bình Dương.

***Người đại diện hợp pháp của bị đơn:*** Ông Lê Thanh H - Chức vụ: Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật. Ông H ủy quyền tham gia tố tụng lại cho ông Huỳnh Văn L, sinh năm 1976; địa chỉ: Khu phố M, thị trấn D, huyện DT, tỉnh Bình Dương; chức vụ: Phó Giám đốc Nông trường cao su Đ theo văn bản ủy quyền số 453/UQ-CSDT-VP ngày 28/12/2017.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Dương Thị T, sinh năm 1955; HKTT: Khu phố X, thị trấn D, huyện DT, tỉnh Bình Dương..

Nguyên đơn ông B, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn Công ty TNHH MTV cao su A là ông L, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà T, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là ông TH có mặt.

### NỘI DUNG VỤ ÁN:

***\* Theo đơn khởi kiện ngày 14/12/2017, bản tự khai, các biên bản làm việc, biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và biên bản hòa giải cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn ông Phan Văn B trình bày:***

Ngày 04/9/2017, tại Nông trường cao su Đoàn Văn T (sau đây gọi tắt là Nông trường Đoàn Văn T) thuộc Công ty TNHH MTV cao su A, giữa ông B và Nông trường Đoàn Văn T có ký “Bản thỏa thuận về việc trồng xen trong vườn cao su”. Theo đó, Nông trường Đoàn Văn T đồng ý cho ông B trồng xen cây mè trên phần đất trồng cây cao su của Nông trường Đoàn Văn T. Diện tích ông B và Nông trường Đoàn Văn T thỏa thuận để trồng xen mè là 84,50 ha trên tổng số 95,66 ha thuộc các Lô cao su số 13D, 89A, 89B, 89C và 89D tọa lạc tại ấp HL, xã Đ, huyện DT; thời gian ông B được phép trồng cây mè là từ ngày 04/9/2017 đến ngày 31/12/2017; Nông trường Đoàn Văn T không thu tiền thuê đất nhưng sau khi thu hoạch mè thì ông B phải cày trả đất cho Nông trường Đoàn Văn T, theo thỏa thuận thì để đảm bảo cho việc ông B cày trả lại đất thì ông B phải nộp ký quỹ cho Nông trường Đoàn Văn T với số tiền là 26.850.000 đồng (tiền cày trả đất đối với diện tích 84,50 ha x 300.000 đồng/ha và tiền lấp giếng, thu thăm PE trên lô (nếu có) là 1.500.000 đồng), sau khi ông B tự cày trả đất và thực hiện các công việc trên thì Nông trường Đoàn Văn T có trách nhiệm hoàn trả lại số tiền trên cho ông B. Tuy nhiên, quá trình thực hiện hợp đồng ông B chưa thực hiện việc ký quỹ như thỏa thuận.

Thực hiện thỏa thuận, ngày 05/9/2017 ông B và Nông trường Đoàn Văn T đã tiến hành việc bàn giao các lô đất để thực hiện trồng xen năm 2017 với các phần đất cụ thể như sau: Lô 13D diện tích 15,5 ha, Lô 89A diện tích 26,37 ha, Lô 89B diện tích 8,63 ha, Lô 89C diện tích 12,87 ha, Lô 89D diện tích 21,13 ha. Thực tế, ông B đã tiến hành trồng cây mè xen lẫn luồng cây cao su với diện tích khoảng 17 ha, cụ thể: Lô 89C có 26 luồng mè, tương đương  $\frac{1}{2}$  diện tích lô cao su và Lô 89D có 46 luồng mè tương đương  $\frac{1}{2}$  diện tích lô cao su. Ngoài ra, ông B đã để lại cho bà T (chị họ bên vợ của ông B) tiến hành trồng mè tại các Lô 89A (gồm 89A đông và 89A tây), Lô 89B và 13D. Việc này phía Nông trường Đoàn Văn T có biết nhưng đã không phản đối. Đối với phần đất còn lại thuộc một phần Lô 89B, một phần Lô 89A, một phần Lô 89C và một phần Lô 89D thì ông B không tiến hành trồng mè trên đất, ông B để đất trống, không canh tác và trồng cây gì khác và cũng không cho ai canh tác trên phần đất trên.

Ngày 23/9/2017, ông B và bà T tiến hành trồng cây mè trên đất. Khi trồng mè, ông B và bà T trồng xen cây mè vào giữa luồng cây cao su với khoảng cách

luồng mè cách đều hai bên gốc cây cao su tại mỗi luồng là  $\geq 1,2$  m, không trồng xen trong diện tích hành lang đường bộ, hành lang suối .... đúng như thỏa thuận. Quá trình trồng mè, ông B và bà T thực hiện chăm sóc, bón phân, phun thuốc cho cây mè đúng quy trình và cây mè sinh trưởng, phát triển tốt. Đến ngày 24/11/2017, khi ông B đến thăm vườn mè thì phát hiện cây mè bị chết. Nguyên nhân, do phía Nông trường Đoàn Văn T tiến hành phun thuốc diệt cỏ khai hoang trên các luồng cao su làm chết cây mè nên gây thiệt hại toàn bộ số mè đã trồng nên ông B và bà T đã không thu hoạch được.

Ngày 28/11/2017, ông B nộp đơn yêu cầu Công ty TNHH MTV cao su A giải quyết đối với số mè chết với yêu cầu bồi thường tổng số tiền 145.300.000 đồng nhưng kết quả giải quyết không thành.

Theo đơn khởi kiện ngày 14/12/2017, ông B yêu cầu Công ty TNHH MTV cao su A có trách nhiệm bồi thường thiệt hại về tài sản, các chi phí thực tế trong quá trình đầu tư trồng mè với tổng số tiền là 145.300.000 đồng, cụ thể:

- Ngày 07/10/2017, ông B đã bỏ ra số tiền đầu tư: Tiền cày đất 02 lần là 10.000.000 đồng; tiền mè giống là 5.400.000 đồng (120kg x 45.000 đồng/kg); tiền công rãi mè là 1.000.000 đồng; tiền phân bón Ure là 4.200.000 đồng (10 bao x 420.000 đồng/bao); tiền công bón phân Ure là 1.000.000 đồng.

- Ngày 20/10/2017, ông B đã đầu tư số tiền: Tiền thuốc xịt cỏ là 5.500.000 đồng; tiền công xịt thuốc là 1.000.000 đồng; tiền thuốc rầy là 3.500.000 đồng; tiền phân bón Ure là 8.400.000 đồng; tiền thuốc Anvil là 880.000 đồng; tiền phân lân là 2.100.000 đồng, tiền phân NPK là 13.200.000 đồng.

- Ngày 08/11/2017, ông B đã đầu tư số tiền: Phân lân là 2.100.000 đồng; phân NPK là 8.800.000 đồng; thuốc trừ sâu là 2.000.000 đồng; thuốc dưỡng là 740.000 đồng; thuốc Anvil là 660.000 đồng; tiền công bón phân Ure là 2.000.000 đồng; tiền cày trả đất là 13.500.000 đồng.

Tại phiên tòa, ông B xin rút lại một phần yêu cầu, không tranh chấp đối với số tiền 65.820.000 đồng vì số tiền này là do bà T đầu tư trồng mè chứ không phải ông B trồng. Ông B xác định do không xác định sản lượng mè bị thiệt hại cụ thể nên chỉ yêu cầu Công ty TNHH MTV cao su A phải bồi thường đối với tổng chi phí mà ông B đã đầu tư là 79.480.000 đồng, cụ thể:

- Tiền giống mè là 5.400.000 đồng (120 kg x 45.000 đồng/kg);
- Tiền cày đất 02 lần là 10.000.000 đồng (lần 1 cày đất rãi mè nhưng mè bị chết sau đó phải cày và rãi mè lần 2);
- Tiền công rãi mè là 1.000.000 đồng;
- Tiền công bón phân và phun thuốc 03 đợt là 6.000.000 đồng (2.000.000 đồng x 3 đợt);
- Tiền phân bón (phân Ure) và thuốc trừ sâu là 52.080.000 đồng;

- Tiền ông B đưa cho ông L ngoại giao để có được hợp đồng là 5.000.000 đồng.

Nguyên nhân ông B không yêu cầu Công ty TNHH MTV cao su A bồi thường thiệt hại theo sản lượng mè là vì: Sau khi khởi kiện và đang trong quá trình giải quyết vụ án thì ngày 07/01/2018, ông B nhận được Thông báo số 02/TB-CSDT-NTĐVT ký ngày 03/01/2018 của Nông trường Đoàn Văn T với yêu cầu: Ông B phải tiến hành thu hoạch số mè hiện còn lại trên các Lô cao su, ký biên bản thanh lý thỏa thuận và thực hiện cày trả đất theo thỏa thuận đã ký và thời gian thực hiện đến hết ngày 08/01/2018. Do đang có tranh chấp nên ông B đã có yêu cầu được giữ nguyên hiện trạng tài sản trên đất, ông B không tiến hành thu hoạch đối với cây mè trên đất. Ngày 10/02/2018, Công ty TNHH MTV cao su A đã tiến hành cày bỏ toàn bộ diện tích cây mè trồng trên đất. Ngày 28/3/2018, ông B có đơn yêu cầu Tòa án thẩm định sản lượng mè bị thiệt hại nhưng không tiến hành được vì cây mè đã bị Công ty TNHH MTV cao su A cày bỏ nên không thể thẩm định sản lượng mè bị thiệt hại.

Đối với yêu cầu phản tố của Công ty TNHH MTV cao su A về việc yêu cầu ông B phải thanh toán số tiền cày trả lại đất, tiền lấp giếng, thu phẩm PE là 26.850.000 đồng thì ông B chấp nhận yêu cầu phản tố. Do ông B không thực hiện được việc cày trả lại đất mà Nông trường Đoàn Văn T tự cày nên ông B chấp nhận khấu trừ số tiền này vào số tiền yêu cầu bồi thường.

Nguyên đơn ông B đồng ý với các biên bản xem xét, thẩm định tài sản ngày 21/12/2017, ngày 29/12/2017 và ngày 06/02/2018 của Tòa án. Yêu cầu Tòa án sử dụng các kết quả trên để làm cơ sở giải quyết vụ án.

Chứng cứ nguyên đơn ông B cung cấp: Đơn khởi kiện ngày 14/12/2017, 01 bản sao giấy chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu, 01 đơn xin xác nhận ngày 14/12/2017 có xác nhận của Công an thị trấn DT, bản phô tô biên bản thỏa thuận số 01/BTT-ĐVT ngày 04/9/2017 giữa ông B và Nông trường cao su Đoàn Văn T, bản phô tô biên bản về việc bàn giao lô để thực hiện trồng xen năm 2017 ngày 05/9/2017 giữa ông B và Nông trường cao su Đoàn Văn T, 04 bản phô tô hóa đơn bán lẻ của cơ sở kinh doanh phân bón thuốc trừ sâu TC, 01 đơn yêu cầu Tòa án hỗ trợ gửi tài liệu chứng cứ; văn bản ủy quyền của ông B ngày 13/12/2017, các bản tự khai ngày 14/12/2017, đơn yêu cầu về việc giữ nguyên hiện trạng cây mè trên đất ngày 08/01/2018, văn bản trình bày ý kiến ngày 08/01/2018 của bà Ngô Thanh T, 01 bản phô tô biên bản làm việc ngày 19/12/2017 giữa ông Nguyễn Văn B, ông Huỳnh Văn L với ông Phan Văn B, 01 đơn yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời ngày 18/12/2017, 01 đơn yêu cầu Tòa án thu thập chứng cứ ngày 15/01/2018, 01 đơn yêu cầu ngày 19/01/2018; 01 bản tự khai ngày 28/3/2018, 01 bản tự khai ngày 01/6/2018, 01 đơn yêu cầu Tòa án thu thập chứng cứ và 01 đơn yêu cầu thẩm định sản lượng mè bị thiệt hại của bà Ngô Thanh T, 04 bức hình chụp lại hiện trạng cây mè, 01 bản photo bảng kê chi tiết trồng mè năm 2017 ngày 25/11/2017; văn bản ủy quyền ngày 13/12/2017.

**\* Tại đơn phản tố ngày 14/5/2018, các bản tự khai, các biên bản làm việc, biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, biên bản hòa giải cũng như tại phiên tòa, đại diện bị đơn Công TNHH MTV Cao su A là ông Huỳnh Văn L trình bày:**

Thực hiện Thông báo số 107/TB-CSĐT-KTNN ngày 30/3/2017 của Công TNHH MTV cao su A về hướng dẫn việc trồng xen trong vườn cây cao su và trên cơ sở đơn xin trồng xen của ông B, ngày 04/9/2017 Nông trường Đoàn Văn T đã ký bản thỏa thuận số 01/BTT-ĐVT với ông B. Theo thỏa thuận: Ông B thực hiện trồng cây mè trên diện tích vườn cây cao su kiến thiết cơ bản trồng năm 2016 của Nông trường Đoàn Văn T với tổng diện tích kể cả diện tích cây cao su hiện có là 84,50 ha (thuộc diện tích các Lô cao su 13D, 89A, 89B, 89C, 89D); thời gian trồng mè từ ngày 04/9/2017 đến ngày 31/12/2017; phía ông B được phép trồng mè trên các luống cao su và phải cách hàng cây cao su mỗi bên là 1,2 m; giá thuê đất là không có; cuối vụ mè thì phía ông B phải cày phục hồi hiện trạng vườn cây bằng 01 lượt cày 02 đường chảo 7 để trả lại đất cho Nông trường Đoàn Văn T và để đảm bảo cho việc cày lại đất thì ông B phải nộp cho Nông trường Đoàn Văn T tiền để đảm bảo thực hiện cày trả lại đất với 84,5 ha x 300.000 đồng/ha = 25.350.000 đồng và tiền ký quỹ đảm bảo công việc lấp giếng, thu thăm PE, vỏ bao thuốc BVTV trên lô (nếu có) là 1.500.000 đồng; ông B không được cho người khác sử dụng đất để trồng cây mè mà chỉ có một mình ông B thực hiện.

Thực hiện thỏa thuận, ngày 05/9/2017 Nông trường Đoàn Văn T đã bàn giao các lô đất để ông B thực hiện trồng mè. Tuy nhiên, ông B chỉ trồng cây mè xen lẫn luống cây cao su với diện tích khoảng 17 ha, cụ thể: Lô 89C có 26 luống mè, tương đương  $\frac{1}{2}$  diện tích lô cao su và Lô 89D có 46 luống mè tương đương  $\frac{1}{2}$  diện tích lô cao su. Ngoài ra, ông B đã giao lại cho bà T trồng mè trên diện tích thuộc các Lô 89A (gồm 89A đông và 89A tây), Lô 89B và 13D (bà T đã thu hoạch được số mè đã trồng). Việc ông B giao đất cho bà T trồng cây mè là tự ý, Nông trường Đoàn Văn T không biết, đến khi phát sinh tranh chấp mới biết.

Sau khi ký thỏa thuận, ông B không đến thông báo thời gian gieo trồng và cũng không cung cấp quy trình trồng cây mè nên Nông trường Đoàn Văn T không biết được chính xác thời gian ông B trồng cây mè. Sau khi thấy cây mè mọc trên đất thì nhiều lần Nông trường Đoàn Văn T liên lạc qua điện thoại để thông báo cho ông B đến làm việc cũng như thông báo việc Nông trường Đoàn Văn T phải xịt thuốc diệt cỏ bảo vệ cây cao su nhưng ông B đều báo bị bệnh đang nằm bệnh viện không đến làm việc.

Thực hiện kế hoạch sản xuất của Nông trường Đoàn Văn T, ngày 15/11/2017 Nông trường Đoàn Văn T ra Thông báo số 421A/TB-CSĐT-NTĐVT gửi đến ông B để thông báo thời gian phun thuốc diệt cỏ nhưng ông B vẫn không đến làm việc. Ngày 20/11/2017, Nông trường Đoàn Văn T đã tiến hành phun thuốc diệt cỏ tại các Lô 89A, 89B, 89C, 89D, việc phun thuốc chỉ trong phạm vi hàng cây cao su mỗi bên là 01 mét, thực hiện đúng loại thuốc, liều dùng và đúng quy trình kỹ thuật theo quy định của Công ty TNHH MTV

Cao su A. Tuy nhiên, khi tiến hành phun thuốc thì gặp gió to và công nhân phun thuốc không cẩn thận nên có gây ra một phần thiệt hại đối với diện tích cây mè do ông B và bà T trồng. Sau đó, rất nhiều lần Nông trường Đoàn Văn T liên lạc ông B qua điện thoại yêu cầu đến hiện trường để tổ chức kiểm tra hiện trạng thực tế diện tích cây mè bị thiệt hại và giải quyết nhưng ông B không đến. Ngày 01/12/2017, Nông trường Đoàn Văn T tổ chức kiểm tra hiện trạng thực tế diện tích cây mè bị thiệt hại và xác định diện tích thực tế cây mè bị ảnh hưởng là 775,7 m<sup>2</sup>.

Ngày 25/11/2017, ông B có đơn xin giải quyết bồi thường toàn bộ diện tích mè bị chết với số tiền 92.980.000 đồng. Đến ngày 28/11/2017, ông B có đơn yêu cầu giải quyết, yêu cầu bồi thường thiệt hại với tổng số tiền 145.300.000 đồng nên kết quả thương lượng không thành.

Trước yêu cầu khởi kiện của ông B về việc yêu cầu bồi thường thiệt hại với tổng số tiền là 79.480.000 đồng, Công ty TNHH MTV cao su A không chấp nhận với các lý do sau:

- Số tiền ông B yêu cầu bồi thường qua 02 lần cũng như tại phiên tòa là khác nhau nhưng ông B không cung cấp được chứng cứ chứng minh nên không có cơ sở.

- Diện tích mè không chết hoàn toàn như ông B yêu cầu mà chỉ ảnh hưởng một phần nhỏ là 775,7 m<sup>2</sup> (theo biên bản kiểm tra thực tế ngày 01/12/2017 của Nông trường Đoàn Văn T và biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 29/12/2017 của TAND huyện Dầu Tiếng).

- Ông B không thực hiện đúng như thỏa thuận đã ký kết, trồng mè phải trồng cách gốc cây cao su từ 1,2 m nhưng thực tế có nơi dưới 01 m là chưa đúng quy định.

- Nguyên nhân làm cây mè thất thu, nguyên nhân chính là cây mè không mọc hoặc mọc nhưng phát triển yếu, cỏ nhiều hơn mè chứ không phải do ảnh hưởng bởi thuốc diệt cỏ; số mè còn lại ông B không thu hoạch mà để cây mè quá thời gian sinh trưởng, cây mè tự chết khô và hạt mè tự nỡ, mất sản lượng. Để đảm bảo việc chăm sóc các cây cao su và thực hiện việc phòng chống cháy tại các lô cao su nói trên nên ngày 10/02/2018, Nông trường Đoàn Văn T đã tiến hành cày bỏ phần luống giữa các hàng cao su (gồm cả cây mè chết khô), thực tế khi tiến hành cày đất thì cây mè đã không còn nữa.

- Việc ông B tự ý cho bà T trồng cây mè trên đất khi chưa được sự đồng ý của Nông trường Đoàn Văn T là vi phạm thỏa thuận ban đầu.

Công ty TNHH MTV cao su A thống nhất theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 29/12/2017 và ngày 06/02/2018 của TAND huyện Dầu Tiếng và biên bản do chính Nông trường Đoàn Văn T đã kiểm tra ngày 01/12/2017. Công ty TNHH MTV cao su A, yêu cầu Tòa án sử dụng các kết quả trên để làm cơ sở giải quyết vụ án.

Ngày 14/5/2018, Công ty TNHH MTV cao su A có đơn phản tố với yêu cầu ông B phải thanh toán tổng số tiền 26.850.000 đồng theo cam kết tại văn

bản thỏa thuận số 01/BTT-ĐVT ngày 04/9/2017 giữa Nông trường Đoàn Văn T với ông B vì ông B đã không thực hiện việc cày trả lại đất.

Chứng cứ bị đơn Công ty TNHH MTV cao su A cung cấp: Đơn phản tố ngày 14/5/2018, văn bản ủy quyền số 159/UQ-CSTD-VP ngày 15/5/2018, giấy ủy quyền số 453/UQ-CSDT-VP ngày 28/12/2017, bản sao tờ trình số 335/TTr-CSDT-NTĐVT ngày 09/9/2017, bản sao đơn xin trồng xen ngày 30/8/2017 của ông Phan Văn B, bản sao bản cam kết ngày 04/9/2017 của ông Phan Văn B, bản sao Bản thỏa thuận về việc trồng xen trong vườn cây cao su số 1/BTT-ĐVT ngày 04/9/2017, bản sao biên bản về việc bàn giao lô để thực hiện trồng xen năm 2017, bản sao quyết định số 214/QĐ-HĐTVCSVN ngày 30/6/2015 của Tập đoàn công nghiệp cao su Việt Nam, bản sao điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty TNHH MTV cao su A, văn bản số 68/CSDT-VP ngày 27/02/2018, bản phê duyệt số 3283/QĐ-BNN-ĐMDN ngày 13/11/2009 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, bản phê duyệt số 04/QĐ-HĐTV-CSDT ngày 20/01/2010 của Công ty cao su A, 01 đơn yêu cầu được thực hiện cày chăm sóc cây cao su, thông báo số 02/TB-CSDT-NTĐVT ngày 03/01/2018, bản tường trình ngày 02/01/2018 của ông Huỳnh Văn L, thông báo số 421A/TB-CSDT-NTĐVT ngày 15/11/2017 của Nông trường Đoàn Văn T, bản sao biên bản về việc kiểm tra hiện trạng diện tích trồng mè bị thiệt hại do ảnh hưởng của thuốc diệt cỏ ngày 01/12/2017 của Nông trường cao su Đoàn Văn T, biên bản về việc phun thuốc diệt cỏ trên hàng cao su các lô 89ABCD ngày 22/11/2017 của Nông trường Đoàn Văn T, bản phê duyệt kế hoạch sản xuất năm 2017, bản sao đơn yêu cầu giải quyết ngày 28/11/2017 của ông B, bản sao đơn yêu cầu giải quyết ngày 25/11/2017 của ông B, bản sao chi tiết trồng mè năm 2017 ngày 25/11/2017 của ông B, bản phê duyệt báo cáo công tác bảo vệ thực vật tháng 11 năm 2017 của Nông trường Đoàn Văn T, thông báo số 107/TB-CSDT-KTNN ngày 30/3/2017, bản sao bản cam kết ngày 04/9/2017 của ông B, 01 bản sao đơn xin trồng xen ngày 03/8/2017 của ông B, tờ trình số 325/TTr-CSDT-NTĐVT ngày 09/9/2017, bản sao văn bản thỏa thuận về việc trồng xen trong vườn cao su ngày 04/9/2017 của Nông trường Đoàn Văn T, 23 bức hình.

***\* Tại bản tự khai ngày 01/6/2018, các biên bản làm việc, biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, biên bản hòa giải cũng như tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Dương Thị T trình bày:***

Giữa bà T và ông B có mối quan hệ quen biết. Do biết được ông B có thỏa thuận với Nông trường Đoàn Văn T về việc trồng xen cây mè tại các lô cây cao su thuộc ấp HL, xã Đ, huyện D nên bà T xin ông B nhường lại một phần diện tích đất thì ông B đồng ý (bà T chỉ thỏa thuận với ông B chứ không thỏa thuận với Nông trường Đoàn Văn T).

Cuối tháng 9/2017, bà T tiến hành cày đất tại các luống cây cao su thuộc các Lô 89A (gồm 89A đông và 89A tây), Lô 89B và Lô 13D với tổng diện tích khoảng 36 ha (bao gồm cả diện tích cây cao su), diện tích cụ thể mỗi Lô, số luống mè là bao nhiêu thì bà T không nhớ rõ.

Sau khi trồng, số cây mè ở Lô 89A tây do bị mưa ngập nước nên cây mè không mọc được, bà T bỏ đất trống. Đối với số cây mè ở Lô 13D thì bà T trồng và thu hoạch xong, không có ý kiến gì. Đối với số cây mè ở Lô 89A đông (có tổng diện tích cả cây cao su khoảng 13 ha) thì mè có mọc lên thành cây, bà T chăm sóc cây mè lên tốt. Tuy nhiên, khi cây mè còn khoảng 15 ngày nữa là đến thời điểm thu hoạch thì Nông trường Đoàn Văn T tiến hành xịt thuốc cỏ trên hàng cây cao su dẫn đến toàn bộ cây mè bị lép, bị chết nên không có khả năng thu hoạch. Vì vậy số mè này bà T không thu hoạch bất kỳ một cây mè nào.

Qua việc tự ghi chép, bà T tự xác định được tổng số tiền đã đầu tư vào trồng mè trên phần đất tại Lô 89A (89A đông và 89A tây) thì bà T đã đầu tư với tổng số tiền là 52.320.000 đồng, cụ thể:

Đợt 1: Tiền thuê mướn đất là 5.000.000 đồng (bà T đã giao số tiền này cho ông B); tiền cày đất là 18.000.000 đồng; tiền mè giống là 5.980.000 đồng; tiền công rải mè là 1.000.000 đồng.

Đợt 2: Tiền thuốc trừ rầy là 3.360.000 đồng; tiền thuốc xịt cỏ 3.300.000 đồng; phân bón NPK là 1.760.000 đồng; phân lân là 420.000 đồng; tiền cày trả đất là 13.500.000 đồng.

Trước đây, theo thỏa thuận với ông B thì bà T đồng ý để ông B thay mặt bà T đứng ra làm đơn khởi kiện Công ty TNHH MTV cao su A bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng, sau khi thắng kiện thì ông B sẽ thanh toán cho bà T số tiền 52.320.000 đồng. Nay xác định lại, ông B không có quyền khởi kiện thay bà T thì bà T sẽ xem xét việc khởi kiện Công ty TNHH MTV cao su A thành một vụ án khác theo đúng quy định của pháp luật. Vì vậy, bà T không có yêu cầu độc lập hay tranh chấp gì đối với Công ty TNHH MTV cao su A trong vụ án này, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Bà T đồng ý với các biên bản xem xét, thẩm định tài sản ngày 21/12/2017, ngày 29/12/2017 và ngày 06/02/2018 của TAND huyện Dầu Tiếng đã thực hiện. Bà T yêu cầu Tòa án sử dụng các kết quả trên để làm cơ sở giải quyết vụ án.

Chứng cứ người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà T cung cấp: Bản photo bảng chi tiết trồng mè năm 2017 ngày 28/11/2017, bản tự khai ngày 01/6/2018.

**\* *Tại phiên tòa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông B trình bày:***

Thuốc trừ sâu, thuốc diệt cỏ là những loại thuốc nguy hiểm, nếu không sử dụng đúng cách sẽ không chỉ gây nguy hiểm đến cây trồng mà còn gây nguy hiểm đến cả con người. Việc Nông trường cao su Đoàn Văn T tiến hành phun thuốc trừ sâu, thuốc diệt cỏ trên các lô các su đã gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến cây mè của ông B trồng tại các luồng cao su, cụ thể là cây mè bị chết và không có khả năng thu hoạch. Việc làm tùy tiện của Nông trường cao su Đoàn Văn T đã xâm hại đến quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Do đó, ông B yêu cầu bị đơn là công ty TNHH MTV cao su A có trách nhiệm phải bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng theo yêu cầu của ông B.

**\* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng (ông Thịnh) có ý kiến:**

Quá trình tố tụng cũng như diễn biến tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ, công khai chứng cứ, hòa giải, xét xử đúng trình tự, thủ tục tố tụng. Tại phiên tòa nguyên đơn ông B, đại diện theo ủy quyền của bị đơn là ông L; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà T, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là ông TH có mặt, đảm bảo việc tham gia tố tụng của các bên đương sự. Quan hệ pháp luật tranh chấp “tranh chấp yêu cầu bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng”. Về thủ tục tố tụng, không kiến nghị, khắc phục. Về nội dung vụ án, căn cứ vào các Điều 585, 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phan Văn B đối với bị đơn Công ty TNHH MTV cao su A; chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn Công ty TNHH MTV cao su A đối với nguyên đơn ông Phan Văn B.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Từ những tài liệu chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ. Sau khi nghe lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định,

[1] Tại phiên tòa xét xử sơ thẩm, nguyên đơn ông Phan Văn B; người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là ông Phạm Tiến Thiên TH, đại diện bị đơn ông Huỳnh Văn L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Dương Thị T có mặt, đảm bảo việc tham gia tố tụng giải quyết vụ án đối với các bên đương sự.

[2] Theo đơn khởi kiện ngày 14/12/2017 cũng như tại phiên tòa, ông B khởi kiện yêu cầu Công ty TNHH MTV cao su A bồi thường số tiền 145.300.000 đồng; Công ty TNHH MTV cao su A không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông B và ngày 14/5/2018 có yêu cầu phản tố buộc ông B phải thanh toán số tiền 26.850.000 đồng. Xét thấy, các bên đương sự đều có trụ sở, nơi cư trú và tài sản bị thiệt hại tại huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện Dầu Tiếng theo quy định tại các Điều 26, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Quan hệ pháp luật là tranh chấp “tranh chấp bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng”.

[3] Theo đơn khởi kiện ngày 14/12/2017, ông B khởi kiện yêu cầu Công ty TNHH MTV cao su A bồi thường số tiền 145.300.000 đồng. Tại phiên tòa, ông B xác định chỉ khởi kiện yêu cầu Công ty TNHH MTV cao su A bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng với tổng số tiền 79.480.000 đồng và xin rút lại không yêu cầu với số tiền 65.820.000 đồng. Việc rút lại một phần yêu cầu khởi kiện là tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận theo Điều 5, 71, 217 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Ông B khởi kiện Công ty TNHH MTV cao su A yêu cầu bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng dựa trên căn cứ là “Bản thỏa thuận về việc trồng xen trong vườn cao su” số 01/BTT-ĐVT ngày 04/9/2017 lập giữa Nông trường

Đoàn Văn T với ông B. Quá trình thu thập chứng cứ, xác định được Nông trường Đoàn Văn T là đơn vị trực thuộc Công ty TNHH MTV cao su A nên Công ty TNHH MTV cao su A là bị đơn trong vụ án.

[5] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông B:

[5.1] Ngày 04/9/2017, ông B và Nông trường Đoàn Văn T ký kết văn bản thỏa thuận số 01/BTT-ĐVT về việc trồng xen trong vườn cây cao su, quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa các bên đương sự đều thừa nhận có ký kết văn bản này nên đây là tình tiết không cần chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5.2] Qua tranh tụng công khai tại phiên tòa, có căn cứ xác định diện tích thực tế ông B trồng cây mè là khoảng 17 ha, cụ thể: Lô 89C có 26 luống mè, và Lô 89D có 46 luống mè. Ông B tự ý giao lại cho bà T trồng cây mè khoảng 36 ha tại các Lô 89A (gồm 89A đông và 89A tây), Lô 89B và Lô 13 và phần còn lại thì không trồng mà bỏ trống. Như vậy, ông B đã vi phạm theo thỏa thuận số 01/BTT-ĐVT ngày 04/9/2017 nói trên.

[5.3] Quá trình làm việc cũng như tại phiên tòa, Công ty TNHH MTV cao su A thừa nhận vào ngày 20/11/2017, Nông trường Đoàn Văn T đã thực hiện việc xịt thuốc cỏ tại các hàng cây cao su, gặp gió to và bất cẩn làm thiệt hại một phần diện tích cây mè do ông B trồng. Ông B cho rằng Nông trường Đoàn Văn T đã xịt thuốc cỏ làm chết toàn bộ số cây mè do ông B trồng trên đất. Tuy nhiên, theo hình ảnh do ông B tự chụp vào ngày 12/12/2017 (sau thời gian phun thuốc 20/11/2017 là 22 ngày), hình ảnh do Nông trường Đoàn Văn T tự chụp vào ngày 18/12/2017 (sau thời gian phun thuốc 20/11/2017 là 28 ngày), biên bản xem xét thẩm định tài sản ngày 21/12/2017, ngày 29/12/2017, ngày 06/02/2018 của TAND huyện Dầu Tiếng thì diện tích cây mè bị chết rất ít, phần lớn diện tích không bị ảnh hưởng. Theo biên bản kiểm kê thực tế do Nông trường Đoàn Văn T lập ngày 01/12/2017 thì diện tích thực tế bị thiệt hại là 775,7 m<sup>2</sup> (bao gồm cả diện tích bà T trồng).

[5.4] Ông B yêu cầu Công ty TNHH MTV cao su A phải bồi thường đối với tổng chi phí mà ông B đã đầu tư là 79.480.000 đồng, trong đó các khoản tiền giống mè là 5.400.000 đồng (120 kg x 45.000 đồng/kg), tiền cày đất 02 lần là 10.000.000 đồng, tiền công rải mè là 1.000.000 đồng, tiền công bón phân và phun thuốc 03 đợt là 6.000.000 đồng (2.000.000 đồng x 3 đợt), tiền ông B đưa cho ông L ngoại giao để có được hợp đồng là 5.000.000 đồng là không cung cấp được hóa đơn, chứng từ; lời trình bày của ông B có mâu thuẫn với lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền là bà T (văn bản trình bày ý kiến ngày 08/01/2018, bản tự khai ngày 28/3/2018) nên không có căn cứ xác định. Đối với khoản tiền phân bón (phân Ure) và thuốc trừ sâu là 52.080.000 đồng có cung cấp chứng cứ là: Hóa đơn bán lẻ ngày 07/10/2017 với số tiền là 4.200.000 đồng, Hóa đơn bán lẻ ngày 20/10/2017 với số tiền là 33.580.000 đồng, Hóa đơn bán lẻ ngày 07/10/2017 với số tiền là 14.300.000 đồng. Tuy nhiên, quá trình làm việc đại diện nguyên đơn xác định tại các biên bản làm việc ngày 03/01/2018, ngày

19/01/2018, văn bản trình bày ý kiến ngày 08/01/2018, bản tự khai ngày 28/3/2018 thì toàn bộ chi phí theo 03 hóa đơn bán lẻ nói trên là chi phí cho việc trồng mè trên tất cả diện tích các lô cao su (khoảng 60,37 ha gồm cả phần cây mè của bà T). Tại phiên tòa, ông B chỉ khởi kiện trên diện tích thực tế trồng là khoảng 17ha, như vậy chứng cứ trên là không phù hợp.

[5.5] Ngoài ra, tại phiên tòa ông B xác định thời gian thu hoạch mè vào khoảng ngày 10/12/2017. Tại biên bản xem xét thẩm định ngày 06/02/2018, Hội đồng thẩm định có xác định vòng đời của cây mè là 75 ngày, ông B trồng cây mè vào ngày 23/9/2017 thì đến ngày 10/12/2017 là phải thu hoạch, nếu cây mè quá tuổi sẽ chết và hạt mè tự ã không thu hoạch được. Như vậy, nếu ông B thực hiện thu hoạch mè đúng thời gian dự kiến đã giảm rất nhiều thiệt hại xảy ra, nguyên nhân để xảy ra thiệt hại toàn bộ sản lượng có phần do ông B không thu hoạch mè khi đến thời gian thu hoạch.

[6] Như vậy, có căn cứ khẳng định ngày 20/11/2017, Nông trường Đoàn Văn T tiến hành xịt thuốc diệt cỏ tại các hàng cây cao su, do bất cẩn đã làm chết một phần diện tích cây mè mà do ông B trồng. Theo biên bản kiểm kê thực tế do Nông trường Đoàn Văn T lập ngày 01/12/2017 thì diện tích thực tế bị thiệt hại là 775,7 m<sup>2</sup> (bao gồm cả diện tích bà T trồng). Tại phiên tòa, ông B xác định sản lượng trung bình nếu thu hoạch được của 17 ha là 4.000kg (tương đương 0,23 kg/m<sup>2</sup>) và giá mỗi kg mè là 47.000 đồng, như vậy nếu tính thiệt hại trên diện tích 775,7 m<sup>2</sup> thành tiền là 178.411 đồng. Công ty TNHH MTV cao su A đã gây thiệt hại thì phải bồi thường cho ông B. Tại phiên tòa, Công ty TNHH MTV cao su A đồng ý bồi thường cho ông B với số tiền là 26.850.000 đồng, đây là tự nguyện của đương sự nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[7] Xét yêu cầu phản tố của bị đơn Công ty TNHH MTV cao su A: Công ty TNHH MTV cao su A yêu cầu ông B thanh toán số tiền 26.850.000 đồng theo bản thỏa thuận về việc trồng xen trong vườn cây cao su số 01/BTT-ĐVT ngày 04/9/2017. Tại phiên tòa, ông B đồng ý thanh toán cho số tiền 26.850.000 đồng, đây là ý chí tự nguyện của đương sự và phù hợp pháp luật nên được Hội đồng xét xử ghi nhận.

[8] Đối với ý kiến của bà Dương Thị T: Bà T là người tiến hành trồng mè với diện tích khoảng 36 ha thuộc các Lô cao su số 89A (gồm 89A đông và 89A tây) và 13D của Nông trường Đoàn Văn T nhưng bà T không có khởi kiện yêu cầu độc lập trong vụ án này nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Bà T có quyền khởi kiện Công ty TNHH MTV cao su A ở một vụ án khác theo luật định.

[9] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về phần các thủ tục tố tụng cũng như về nội dung vụ án là phù hợp pháp luật.

[10] Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn ông B về nội dung vụ án là không phù hợp pháp luật nên không được chấp nhận.

[11] Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 800.000 đồng, do yêu cầu của ông B được chấp nhận một phần nên ông B và Công ty

TNHH MTV cao su A mỗi bên chịu  $\frac{1}{2}$  chi phí, tương ứng số tiền 400.000 đồng. Do ông B đã tạm ứng toàn bộ nên buộc Công ty TNHH MTV cao su A phải nộp để hoàn trả lại cho ông B số tiền là 400.000 đồng.

[12] Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào các Điều 5, 26, 35, 39, 71, 186, 147, 217, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 378, 584, 585, 586, 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Phan Văn B đối với Công ty TNHH MTV cao su A về việc tranh chấp bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng. Buộc Công ty TNHH MTV cao su A phải bồi thường cho ông Phan Văn B số tiền 26.850.000 đồng (hai mươi sáu triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng).

Sau khi án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày ông B có đơn yêu cầu thi hành án, nếu Công ty TNHH MTV cao su A không thanh toán số tiền trên, thì hàng tháng Công ty TNHH MTV cao su A còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Phan Văn B đối với Công ty TNHH MTV cao su A về việc tranh chấp bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng với số tiền 52.630.000 đồng (năm mươi hai triệu sáu trăm ba mươi nghìn đồng).

3. Đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của ông Phan Văn B đối với Công ty TNHH MTV cao su A về việc tranh chấp bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng với số tiền 65.820.000 đồng (sáu mươi lăm triệu tám trăm hai mươi nghìn đồng).

4. Chấp nhận yêu cầu phản tố của Công ty TNHH MTV cao su A đối với ông Phan Văn B về việc tranh chấp bồi thường thiệt hại theo hợp đồng. Buộc ông Phan Văn B phải thanh toán cho Công ty TNHH MTV cao su A số tiền 26.850.000 đồng (hai mươi sáu triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng).

Sau khi án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày Công ty TNHH MTV cao su A có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông B không thanh toán số tiền trên, thì hàng tháng ông B còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

5. Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 800.000 đồng (tám trăm nghìn đồng), ông B và Công ty TNHH MTV cao su A mỗi bên chịu  $\frac{1}{2}$

chi phí, tương ứng số tiền 400.000 đồng (bốn trăm nghìn đồng). Do ông B đã tạm ứng toàn bộ xong nên buộc Công ty TNHH MTV cao su A phải nộp để hoàn trả lại cho ông B số tiền là 400.000 đồng (bốn trăm nghìn đồng).

#### 6. Về án phí:

6.1. Ông Phan Văn B phải chịu tổng số tiền là 3.974.000 đồng (ba triệu chín trăm bảy mươi bốn nghìn đồng) trong đó có 1.342.500 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu phản tố của bị đơn và 2.631.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm không được chấp nhận. Sau khi khấu trừ số tiền 3.632.500 đồng (ba triệu sáu trăm ba mươi hai nghìn năm trăm đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2016/0011224 ngày 18/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng, ông B còn phải nộp 341.500 đồng (ba trăm bốn mươi một nghìn năm trăm đồng).

6.2. Công ty TNHH MTV cao su A phải chịu số tiền là 1.342.500 đồng (một triệu ba trăm bốn mươi hai nghìn năm trăm đồng). Sau khi khấu trừ số tiền 671.250 đồng (sáu trăm bảy mươi một nghìn hai trăm năm mươi đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2016/0011819 ngày 15/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng, Công ty TNHH MTV cao su A còn phải nộp 671.250 đồng (sáu trăm bảy mươi một nghìn hai trăm năm mươi đồng).

Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án (ngày 05/7/2018).

Trường hợp Bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

#### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Dầu Tiếng;
- CC THA DS huyện Dầu Tiếng;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Minh Đồng**